

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-01-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1986.

HKTT: Xóm 7, xã K, huyện N, tỉnh A

Tạm trú: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1987.

HKTT: Xóm X, xã D, huyện C, tỉnh A.

Tạm trú: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Th chung sống vào năm 2014, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh A (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 07/02/2014).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Nay chị Đ xin ly hôn với anh Th.

- Con chung: có 03 cháu gồm Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 20/12/2014, Nguyễn Minh Ch- sinh ngày 19/7/2016 và Nguyễn Trường Qu - sinh ngày 26/12/2017. Ly hôn, chị xin nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty M, thu nhập trung bình 14.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Chị Đ xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2014.

Quá trình chung sống, do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng thường cãi nhau, bất đồng quan điểm nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay chị Đ xin ly hôn, anh đồng ý.

- Con chung: có 03 cháu gồm Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 20/12/2014, Nguyễn Minh Ch- sinh ngày 19/7/2016 và Nguyễn Trường Qu - sinh ngày 26/12/2017. Ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Anh Th có yêu cầu vắng mặt khi xét xử vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 03

con chung gồm Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 20/12/2014, Nguyễn Minh Ch- sinh ngày 19/7/2016 và Nguyễn Trường Qu- sinh ngày 26/12/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường cãi nhau. Nay chị Đ xin ly hôn, xin nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung. Anh Th đồng ý với yêu cầu của chị Đ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Lê Thị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Do anh Th đang tạm trú và sinh sống tại nhà trọ bà Lê Thị H, ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Lê Thị Đ, bị đơn là anh Nguyễn Văn Th.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th chung sống vào năm 2014, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 07/02/2014. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị Đ xin ly anh Th vì vợ chồng không còn tình cảm.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Đ và anh Th khai là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị Đ vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh Th đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Đ được ly hôn anh Th là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Đ và anh Th khai có 03 con chung là Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 20/12/2014, Nguyễn Minh Ch - sinh ngày 19/7/2016 và Nguyễn Trường Qu - sinh ngày 26/12/2017. Ly hôn, chị Đ xin nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, anh Th đồng ý. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Tài sản chung: đương sự khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 chỉ Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th.

1. Xử: Cho chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Xử giao 03 con chung là Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 20/12/2014, Nguyễn Minh Ch - sinh ngày 19/7/2016 và Nguyễn Trường Qu - sinh ngày 26/12/2017 cho chị Lê Thị Đ nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005714 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

